

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về công khai hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1532/QĐ-ĐHTCM ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng ban hành Quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing; được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 2512/QĐ-ĐHTCM ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị chức năng thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing và Quyết định số 2083/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Phòng Quản lý khoa học và Phòng Quản lý đào tạo thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về công khai hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị, toàn thể viên chức, người lao động thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 2;
- Thông báo, Website;
- Lưu: VT, QLĐT(1b). *h*

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tiến Đạt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Công khai hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2402/QĐ-ĐHTCM ngày 05 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định này quy định về công khai hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing (sau đây gọi tắt là Trường) gồm: nội dung công khai, cách thức và thời điểm công khai, tổ chức thực hiện.
- Việc thực hiện công khai các nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
- Quy định này không áp dụng đối với thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác hoặc thông tin chưa được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Mục đích công khai

- Minh bạch các thông tin có liên quan của Trường để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của Trường.
- Thực hiện trách nhiệm giải trình của Trường trong các mặt hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

- Việc thực hiện công khai bảo đảm đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của pháp luật liên quan.
- Thông tin công khai bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận.

Chương II

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Điều 4. Thông tin chung về Trường Đại học Tài chính – Marketing

1. Tên Trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài).
2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của Trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử.
3. Loại hình của Trường, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp của Trường.
4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu.
5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.
6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.
7. Tổ chức bộ máy:
 - a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của Trường hoặc phân hiệu của Trường (nếu có);
 - b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;
 - c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;
 - d) Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của Trường;
 - đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);
 - e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Trường và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của Trường (nếu có).
8. Các văn bản khác của Trường: Chiến lược phát triển của Trường; quy chế dân chủ ở cơ sở của Trường; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của Trường và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của Trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của Trường trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Điều 6. Điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, nghiên cứu

1. Thông tin về mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với kết quả do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

2. Thông tin về ngành, chương trình đào tạo và các kỳ thi cấp chứng chỉ:

a) Danh mục ngành đào tạo đang hoạt động và thông tin chi tiết theo yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo;

b) Danh mục chương trình đào tạo đang thực hiện, thông tin chi tiết theo yêu cầu chuẩn chương trình đào tạo (chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào, các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo) và mẫu văn bằng, chứng chỉ cấp cho người tốt nghiệp cho từng trình độ, ngành và hình thức đào tạo; đối với các

chương trình liên kết đào tạo quốc tế có thêm thông tin về cơ sở giáo dục đại học liên kết đào tạo, thời gian hoạt động liên kết, văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền;

c) Danh mục hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ quốc tế và thông tin chi tiết về kỳ thi, loại chứng chỉ và mẫu chứng chỉ được cấp, thời hạn hoạt động liên kết, văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thông tin về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm;

b) Số lượng giảng viên toàn thời gian của Trường và từng lĩnh vực đào tạo chia theo trình độ được đào tạo, chức danh giáo sư, phó giáo sư; danh sách giảng viên cơ hữu theo từng đơn vị chuyên môn bao gồm: họ tên, trình độ, chức danh, chuyên môn, lĩnh vực phụ trách, hướng nghiên cứu chính;

c) Số lượng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng hằng năm theo quy định;

d) Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu.

4. Thông tin về cơ sở vật chất dùng chung:

a) Danh mục các khuôn viên, địa điểm đào tạo; thông tin về diện tích đất, địa chỉ, mục đích sử dụng chính (đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ,...);

b) Danh mục các công trình xây dựng (hội trường, tòa giảng đường, ký túc xá, thư viện, trung tâm học liệu; tòa nhà làm việc,...) các hạng mục cơ sở vật chất; thông tin về khuôn viên, diện tích sàn xây dựng, diện tích sàn sử dụng cho đào tạo, nghiên cứu và mục đích khác;

c) Thông tin về thư viện (không gian làm việc, phòng đọc,...); số đầu sách và số bản sách giáo trình, sách chuyên khảo.

5. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo:

a) Kết quả tự đánh giá của Trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cấp theo quy định pháp luật qua các mốc thời gian;

c) Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Điều 7. Kế hoạch và kết quả hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ

1. Thông tin về kế hoạch tuyển sinh, tổ chức đào tạo hằng năm đối với từng trình độ, hình thức đào tạo theo các quy chế tuyển sinh, đào tạo hiện hành.

2. Thông tin về kết quả tuyển sinh và đào tạo hằng năm đối với từng trình độ đào tạo, tính cho toàn Trường và phân theo lĩnh vực, ngành và hình thức đào tạo:

a) Quy mô đào tạo, số lượng nhập học mới và số lượng tốt nghiệp;

b) Tỷ lệ nhập học so với kế hoạch, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ thôi học năm đầu, tỷ lệ tốt nghiệp trong thời gian không quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn và tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn (trong thời gian tiêu chuẩn);

c) Tỷ lệ người học tốt nghiệp đại học có việc làm phù hợp với trình độ đào tạo trong thời gian 12 tháng sau khi tốt nghiệp.

3. Thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trong năm, tính cho toàn Trường và phân theo lĩnh vực khoa học và công nghệ:

a) Danh mục dự án, đề tài hoặc nhiệm vụ khoa học công nghệ do Trường chủ trì: Tên dự án, đề tài, nhiệm vụ; cấp quản lý; người chủ trì và các thành viên tham gia; đối tác trong nước và quốc tế; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; tóm tắt kết quả và sản phẩm đạt được;

b) Số lượng công trình khoa học được công bố trên các ấn phẩm quốc tế có uy tín và các công bố khoa học khác; số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp;

c) Các kết quả chuyển giao tri thức, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp (nếu có).

Chương III CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

Điều 8. Cách thức công khai

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường:

Trường thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường, bao gồm:

a) Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do Trường thực hiện được quy định tại Chương II của Quy định này tính đến tháng 6 hằng năm;

b) Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của Trường tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định

dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này;

c) Nhà trường công khai nội dung được quy định tại điểm a, b của Điều này trên cổng thông tin điện tử của Trường, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

2. Công khai các nội dung tại điểm a, b khoản 1 Điều này tại các Hội nghị, cuộc họp thường niên của Trường.

3. Trường phổ biến các nội dung công khai cho người học vào tháng đầu tiên của khóa học, năm học mới. Trường phổ biến và hướng dẫn người học truy cập nội dung công khai của Trường tại cổng thông tin điện tử.

Điều 9. Thời gian công khai

1. Thời điểm công khai:

a) Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Quy định này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì Trường cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Quy định này trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

3. Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, 2 của Điều này, Trường thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Phòng Quản lý đào tạo:

a) Xây dựng và phổ biến quy trình thực hiện công khai;

b) Xây dựng kế hoạch, thông báo, hướng dẫn thực hiện công khai hoạt động hằng năm của Trường;

c) Phân bổ yêu cầu cung cấp thông tin công khai cho các đơn vị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của từng đơn vị và thực hiện công khai theo quy định;

d) Cung cấp các thông tin công khai, bao gồm:

– Mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được quy định tại khoản 1 Điều 6;

– Thông tin về ngành, chương trình đào tạo được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 6;

– Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu được quy định tại điểm d khoản 3 Điều 6;

– Các nội dung về kế hoạch và kết quả hoạt động đào tạo trình độ đại học chính quy được quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 7.

đ) Tổ chức tổng kết, đánh giá công tác công khai và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công khai trong việc thực hiện tổng kết, đánh giá công tác hằng năm (hoặc năm học) và phương hướng, nhiệm vụ năm (hoặc năm học) tiếp theo của Trường;

e) Làm đầu mối tổng hợp báo cáo về công tác công khai khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

g) Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

2. Viện Đào tạo sau đại học:

a) Cung cấp các thông tin công khai, bao gồm:

– Các nội dung về kế hoạch và kết quả hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Trường được quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 7;

– Các nội dung công khai khác theo hướng dẫn được phân công trong kế hoạch, thông báo của Trường về công khai các hoạt động.

b) Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

3. Viện Đào tạo thường xuyên:

a) Cung cấp các thông tin công khai, bao gồm:

– Các nội dung công khai được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 (nếu có);

– Các nội dung về kế hoạch và kết quả hoạt động đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa của Trường được quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 7;

– Các nội dung công khai khác theo hướng dẫn được phân công trong kế hoạch, thông báo của Trường về công khai các hoạt động.

b) Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

4. Viện Đào tạo quốc tế:

a) Cung cấp các thông tin công khai, bao gồm:

- Các thông tin được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 đối với các chương trình liên kết đào tạo quốc tế;
- Các nội dung được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 (nếu có);
- Các nội dung công khai khác theo hướng dẫn được phân công trong kế hoạch, thông báo của Trường về công khai các hoạt động;

b) Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

5. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn Tài chính - Hải quan:

a) Cung cấp các nội dung công khai được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6;

b) Cung cấp các nội dung công khai khác theo hướng dẫn được phân công trong kế hoạch, thông báo của Trường về công khai các hoạt động;

c) Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

6. Các Phòng chức năng:

Các Phòng chức năng thuộc Trường chịu trách nhiệm thực hiện cung cấp chính xác và đầy đủ các thông tin công khai theo hướng dẫn được phân công trong kế hoạch, thông báo của Trường về công khai các hoạt động và các nội dung theo Quy định này như sau:

a) Phòng Tổ chức – Hành chính:

- Thông tin chung về Trường được quy định tại Điều 4;
- Thông tin về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 6;
- Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

b) Phòng Tài chính – Kế toán:

- Thông tin về thu, chi tài chính được quy định tại Điều 5;
- Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

c) Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng:

- Mẫu văn bằng, chứng chỉ cấp cho người tốt nghiệp cho từng trình độ, ngành và hình thức đào tạo được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6;
- Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo được quy định tại khoản 5 Điều 6;
- Thông tin tỷ lệ người học tốt nghiệp đại học có việc làm phù hợp với trình độ đào tạo trong thời gian 12 tháng sau khi tốt nghiệp được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7;

- Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

d) Phòng Quản lý khoa học:

- Thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trong năm, tính cho toàn Trường và phân theo lĩnh vực khoa học và công nghệ được quy định tại khoản 3 Điều 7;

- Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

đ) Phòng Quản trị thiết bị:

- Tổng hợp và cung cấp thông tin về cơ sở vật chất dùng chung được quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 6;

- Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

e) Phòng Công nghệ thông tin:

- Xây dựng và thiết kế cổng thông tin điện tử phục vụ công khai tập trung thông tin các hoạt động của Trường phù hợp với yêu cầu, cấu trúc nội dung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8;

- Bảo đảm cổng thông tin điện tử của Trường hoạt động ổn định, liên tục và an toàn; thông tin công khai trên cổng thông tin điện tử thường xuyên được sao lưu, bảo đảm an toàn thông tin;

- Thiết lập hệ thống tài khoản, cung cấp tài khoản và hướng dẫn các đơn vị đăng nhập và thực hiện cập nhật thông tin công khai theo chức năng, nhiệm vụ, hoạt động; xây dựng quy trình hướng dẫn sử dụng tài khoản và cập nhật thông tin công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường;

- Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

g) Thư viện:

- Thông tin về thư viện (không gian làm việc, phòng đọc,...); số đầu sách và số bản giáo trình, sách chuyên khảo được quy định tại điểm c khoản 4 Điều 6;

- Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

7. Các Khoa chuyên môn:

- a) Cung cấp các thông tin công khai theo yêu cầu của biểu mẫu của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này chính xác và đầy đủ;

- b) Cung cấp các nội dung công khai khác theo hướng dẫn được phân công trong kế hoạch, thông báo của Trường về công khai các hoạt động;

- c) Cung cấp nội dung giải trình kịp thời khi có yêu cầu.

Điều 11. Điều khoản thi hành

- 1. Quy định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các đơn vị, cá nhân trong Trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Trường hợp pháp luật có quy định khác về nội dung, cách thức, thời gian, thời điểm thực hiện công khai đối với nội dung thông tin cụ thể thì sẽ điều chỉnh, bổ sung Quy định này cho phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, Quy định này có thể được điều chỉnh, bổ sung (nếu cần thiết) cho phù hợp với tình hình thực tế. Giao Phòng Quản lý đào tạo làm đầu mối, tiếp nhận, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc phát sinh báo cáo Hiệu trưởng xem xét, chỉ đạo giải quyết. /

Phụ lục: Báo cáo thường niên

BỘ TÀI CHÍNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: _____

I. THÔNG TIN CHUNG¹

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian²

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo ³	Năm trước liền kề năm báo cáo ⁴
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên		
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động		
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ		

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo⁵

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian						
	Lĩnh vực A						
	Lĩnh vực B						
	...						
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động						
	Lĩnh vực A						
	Lĩnh vực B						
	...						

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ⁶

TT	Chỉ số	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ		
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ		
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian		

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất⁷

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/người học (m ²)		
2	Diện tích sàn/người học (m ²)		
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt		
4	Số đầu sách/ngành đào tạo		
5	Số bản sách/người học		
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến		
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)		

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo⁸

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính			
2	Cơ sở...			

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
3	Phân hiệu...			
	...			
Tổng cộng				

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ⁸	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà...		
2	Nâng cấp tòa nhà...		
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm...		
4	Nâng cấp phòng thí nghiệm...		
Tổng cộng			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt):
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:
- Mức độ đạt kiểm định:
- Thời gian hiệu lực: từ ngày...tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1					
2					
...					

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo¹⁰

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm		
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm		
3	Tỷ lệ thôi học		
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu		
5	Tỷ lệ tốt nghiệp		
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn		
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên		
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể		
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn		

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹¹
I	Đại học				
1	Lĩnh vực 1				
	Chính quy				
	Vừa làm vừa học				
	Đào tạo từ xa				
2	Lĩnh vực 2				
...	...				
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)				
1	Lĩnh vực 1				
2	Lĩnh vực 2				
...	...				
III	Tiến sĩ				
1	Lĩnh vực 1				
2	Lĩnh vực 2				

la

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ¹¹
...	...				

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ¹²

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ		
2	Số công bố khoa học/giảng viên		
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên		

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước		
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh		
3	Đề tài cấp cơ sở		
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)		
5	Đề tài hợp tác quốc tế		
	Tổng số		

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo-khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích		
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực		
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế		
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế		
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích		

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính¹³

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm		
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững		

2. Kết quả thu chi hoạt động¹⁴

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG		
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo		
1	Học phí, lệ phí từ người học		
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		
I	Chi lương, thu nhập		
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên		

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác		
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ		
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác		
III	Chi hỗ trợ người học		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI		

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC¹⁵

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

¹ Bao gồm thông tin được quy định tại Điều 4 của Quy định này.

² Các chỉ số được thực hiện theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 2 (Giảng viên) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

³ Ghi cụ thể năm báo cáo (2025, 2026...)

⁴ Ghi năm trước liền kề năm báo cáo (2024, 2025...)

⁵ Các số liệu thống kê được thực hiện thống nhất với quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁶ Các số liệu thống kê chỉ tính số cán bộ quản lý và nhân viên các đơn vị hành chính phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ hỗ trợ cán bộ và sinh viên; không tính các đơn vị sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hạch toán riêng.

⁷ Các chỉ số được thực hiện theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 3 (Cơ sở vật chất) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁸ Diện tích đất và diện tích sàn được xác định theo quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁹ Ghi: Trụ sở chính, tên cơ sở hoặc phân hiệu.

¹⁰ Các chỉ số được thực hiện theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 5 (Tuyển sinh và đào tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

¹¹ Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng đúng chuyên môn đối với người tốt nghiệp đại học.

¹² Các chỉ số được thực hiện theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 6 (Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

¹³ Các chỉ số được thực hiện theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 4 (Tài chính) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

¹⁴ Các số liệu được thực hiện thống nhất với số liệu trong Biểu mẫu số liệu báo cáo thực hiện Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; không bao gồm kinh phí đầu tư.

¹⁵ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của Trường và của ngành.